

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 34
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	35
8. Phụ lục số 02 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	36



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 26 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 495.169.820.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm tỷ một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HAX theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trụ sở hoạt động• **Trụ sở chính**

Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : + 84 (28) 3 5120 026

Fax : + 84 (28) 3 5120 025

Mã số thuế : 0302000126

• **Thông tin về chi nhánh**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
01	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
02	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

• **Thông tin về Công ty con**

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102.Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	98,32%	98,32%	98,32%	94,38%	94,38%	94,38%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	02/04/2021	-
Bà Vũ Thị Hạnh	Chủ tịch HĐQT	28/03/2020	02/04/2021
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	02/04/2021	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	23/03/2019	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	23/03/2019	-

4.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc	02/04/2021	-
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06/05/2013	02/04/2021
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2013	-
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	01/06/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	20/02/2020	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Tiến Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho năm tài chính kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 07 đến trang 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng).
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng)

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.



Số: 2048/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		910.473.864.400	911.546.523.131
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	60.934.050.072	70.641.802.155
111	1. Tiền		60.934.050.072	70.641.802.155
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		277.321.033.158	299.798.018.163
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	120.904.687.084	144.135.706.056
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3a	7.644.345.351	4.900.457.231
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	149.448.120.378	151.437.974.531
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(676.119.655)	(676.119.655)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	554.898.938.861	535.557.721.972
141	1. Hàng tồn kho		557.580.690.536	536.608.313.342
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.681.751.675)	(1.050.591.370)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.319.842.309	5.548.980.841
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	3.564.127.916	5.197.084.800
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13.611.660.947	137.162.299
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	144.053.446	214.733.742
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		377.847.330.328	297.544.632.801
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.592.805.250	4.355.736.350
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	V.3b	3.584.805.250	4.332.000.080
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.4b	8.000.000	23.736.270
220	II. Tài sản cố định		228.094.772.773	164.133.252.801
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	216.140.401.953	151.185.737.504
222	- Nguyên giá		302.131.093.142	226.651.315.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.990.691.189)	(75.465.577.750)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	11.954.370.820	12.947.515.297
228	- Nguyên giá		17.781.776.169	17.781.776.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.827.405.349)	(4.834.260.872)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.608.214.583	14.825.892.859
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		32.608.214.583	14.825.892.859
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.10	111.244.243.893	110.951.130.786
251	1. Đầu tư vào công ty con		131.269.977.875	129.336.909.500
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(20.025.733.982)	(18.385.778.714)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.307.293.829	3.278.620.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.307.293.829	3.278.620.005
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.288.321.194.728	1.209.091.155.932

3/1/21
 3/1/21
 C.T.H.
 HẠNH
 VĂN
 T
 CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		551.293.509.167	652.505.007.092
310	I. Nợ ngắn hạn		551.293.509.167	652.505.007.092
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	24.721.258.316	38.120.455.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	280.027.987.256	71.020.437.695
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	26.621.653.662	23.822.730.820
314	4. Phải trả người lao động	V.14	18.894.225.015	17.273.764.225
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	1.900.062.932	6.209.654.881
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	3.433.083.328	5.082.088.389
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	195.695.238.658	490.975.875.591
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		737.027.685.561	556.586.148.840
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	737.027.685.561	556.586.148.840
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		495.169.820.000	367.443.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		495.169.820.000	367.443.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		524.927.236	(30.000.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(2.234.667.764)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		241.332.938.325	191.406.826.604
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		77.680.996.604	65.568.400.395
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		163.651.941.721	125.838.426.209
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		1.288.321.194.728	1.209.091.155.932

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

ĐỖ TIẾN DŨNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	5.238.224.833.177	5.538.644.205.278
02	2. Các khoản giảm trừ		-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.238.224.833.177	5.538.644.205.278
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	4.897.106.168.022	5.221.305.068.603
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		341.118.665.155	317.339.136.675
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	403.450.548	2.771.553.530
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	19.216.919.205	38.750.524.054
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17.567.151.863	40.432.501.647
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	107.669.642.935	110.255.875.626
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	35.033.732.150	41.712.495.584
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		179.601.821.413	129.391.794.941
31	11. Thu nhập khác	VI.7	25.228.841.687	28.297.649.247
32	12. Chi phí khác		211.496.080	222.895.910
40	13. Lợi nhuận khác		25.017.345.607	28.074.753.337
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		204.619.167.020	157.466.548.278
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	40.967.225.299	31.628.122.069
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		163.651.941.721	125.838.426.209

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIẾN DŨNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		204.619.167.020	157.466.548.278
	2. Điều chỉnh các khoản		28.534.263.929	50.936.091.594
02	- Khấu hao tài sản cố định	V.8, V.9	25.858.849.561	26.580.148.718
03	- Các khoản dự phòng		3.271.115.573	(1.757.883.953)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3, VI.7	(18.162.853.068)	(14.318.674.818)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	17.567.151.863	40.432.501.647
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		233.153.430.949	208.402.639.872
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.836.097.753	190.050.323.231
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(20.972.377.194)	170.060.922.191
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		178.232.538.414	(45.670.695.592)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.604.283.060	(910.420.350)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.567.151.863)	(40.432.501.647)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	(25.130.624.705)	(23.669.993.840)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		360.156.196.414	457.830.273.865
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(389.191.470.556)	(324.518.683.356)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		299.348.181.819	329.992.054.548
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.933.068.375)	(699.070.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		403.450.548	495.121.068
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(91.372.906.564)	5.269.422.260
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.789.595.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.2	4.225.213.951.340	4.925.920.743.411
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.3	(4.520.494.588.273)	(5.366.459.027.889)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(54.526.819.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(278.491.041.933)	(495.065.103.978)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(9.707.752.083)	(31.965.407.853)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	70.641.802.155	102.607.210.008
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	60.934.050.072	70.641.802.155

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Lãi suất cho vay của các ngân hàng giảm, đồng thời Nghị định 103/2021/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành về việc giảm 50% lệ phí trước bạ cho các dòng xe lắp ra trong nước bắt đầu có hiệu lực thi hành đã dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng so với năm trước.

175
TY
HỮU
à TL
VII
5C

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Cấu trúc Công ty*Các Công ty con.*

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
2.	Công ty Cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	98,32%	98,32%	98,32%	94,38%	94,38%	94,38%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính Công ty có 582 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 524 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của

Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính (riêng) của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời

điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

128
ĐĂNG
KÝ
HIỆM
ÁN V
ÁN
P. H

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Tiền lương phải trả cho người lao động dựa vào hợp đồng lao động.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là xe ô tô, phụ tùng, ...

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (riêng) (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.102.083.762	6.621.100.201
Tiền gửi ngân hàng	56.831.966.310	64.020.701.954
Cộng	60.934.050.072	70.641.802.155

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	44.865.077.250	59.864.903.474
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	44.230.674.862	59.516.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	634.402.388	348.903.474
Phải thu các khách hàng khác	76.039.609.834	84.270.802.582
Các khách hàng khác về tiền kinh doanh xe	76.039.609.834	84.270.802.582
Cộng	120.904.687.084	144.135.706.056

1281
 ĐĂNG
 NHẬN
 VÀNG
 VÀNG
 P. P.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	7.644.345.351	4.900.457.231
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Galaxy	912.514.545	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Gamma	801.636.800	-
Các nhà cung cấp khác	5.930.194.006	4.900.457.231
Cộng	7.644.345.351	4.900.457.231

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	3.584.805.250	4.332.000.080
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	3.584.805.250	4.332.000.080
Cộng	3.584.805.250	4.332.000.080

(*) Là khoản ứng trước tiền thuê mặt bằng theo Hợp đồng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05/07/2010.

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	516.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	516.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	148.932.120.378	-	151.437.974.531	-
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam(*)	148.385.627.212	-	150.412.089.825	-
Các đối tượng khác	546.493.166	-	1.025.884.706	-
Cộng	149.448.120.378	-	151.437.974.531	-

(*) Là khoản phải thu về tiền thưởng do Công ty đạt về các chỉ tiêu kinh doanh xe.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

75-
 TY
 HỮU
 TỬ
 VI
 5.04

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	676.119.655	-	676.119.655	-
Công ty Cổ phần Minh Thắng	447.577.960	-	447.577.960	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PVV Sài Gòn	105.454.400	-	105.454.400	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến	45.350.000	-	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương	42.692.000	-	42.692.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba	35.045.295	-	35.045.295	-
Cộng	676.119.655	-	676.119.655	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(676.119.655)	(676.119.655)
Trích lập dự phòng	-	-
Xoá nợ	-	-
Số cuối năm	(676.119.655)	(676.119.655)

6. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	84.106.361.471	(2.681.751.675)	67.620.165.609	(1.050.591.370)
Công cụ, dụng cụ	217.481.320	-	272.243.092	-
Chi phí SXKD dở dang ⁽²⁾	8.345.176.204	-	10.584.216.216	-
Hàng hóa ⁽³⁾	464.911.671.541	-	458.131.688.425	-
Cộng	557.580.690.536	(2.681.751.675)	536.608.313.342	(1.050.591.370)

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là phụ tùng xe ô tô.

(2) Là các khoản chi phí sửa chữa xe chưa hoàn thiện xong để giao khách hàng.

(3) Hàng hóa chủ yếu là xe ô tô. Trong đó hàng tồn kho đang thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 195.277.672.281 đồng (xem thuyết minh tại mục V.17).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	5.197.084.800	3.966.546.339
- Tăng trong năm	8.884.880.765	11.101.698.184
- Phân bổ trong năm	<u>(10.517.837.649)</u>	<u>(9.871.159.723)</u>
Số cuối năm	<u>3.564.127.916</u>	<u>5.197.084.800</u>

Chi tiết cuối năm

Chi tiết	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	706.361.614	552.814.664
Phí bảo hiểm cháy nổ	345.526.291	359.332.639
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>2.512.240.011</u>	<u>4.284.937.497</u>
Cộng	<u>3.564.127.916</u>	<u>5.197.084.800</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	3.278.620.005	3.598.738.116
- Tăng trong năm	2.240.024.960	2.981.346.704
- Phân bổ trong năm	<u>(3.211.351.136)</u>	<u>(3.301.464.815)</u>
Số cuối năm	<u>2.307.293.829</u>	<u>3.278.620.005</u>

Chi tiết cuối năm

Chi tiết	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa văn phòng	219.548.407	365.824.303
Công cụ dụng cụ	812.394.735	1.230.119.802
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>1.275.350.687</u>	<u>1.682.675.900</u>
Cộng	<u>2.307.293.829</u>	<u>3.278.620.005</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.135.359.369	17.781.776.169
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	8.848.836.800	2.797.580.000	6.135.359.369	17.781.776.169
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	767.509.480	767.509.480
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	736.696.053	4.097.564.819	4.834.260.872
Tăng trong năm	-	55.951.596	937.192.881	993.144.477
- Khấu hao trong năm	-	55.951.596	937.192.881	993.144.477
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	792.647.649	5.034.757.700	5.827.405.349
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.060.883.947	2.037.794.550	12.947.515.297
Số cuối năm	8.848.836.800	2.004.932.351	1.100.601.669	11.954.370.820

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 10.853.769.151 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương (xem tại thuyết minh mục V.17).

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Là các khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ ⁽¹⁾	34.242.280.000	14.216.546.018	(20.025.733.982)	34.242.280.000	15.856.501.286	(18.385.778.714)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ⁽²⁾	97.027.697.875	97.027.697.875	-	95.094.629.500	95.094.629.500	-
Cộng	131.269.977.875	111.244.243.893	(20.025.733.982)	129.336.909.500	110.951.130.786	(18.385.778.714)

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 2.859.193 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 85,89% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 85,89%).

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ 4.129.490 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM là 98,32% (tỷ lệ tại thời điểm đầu năm là 94,38%).

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch trên sàn Upcom, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ		
+ Doanh thu bán phụ tùng và máy móc	2.404.780.826	1.641.596.725
+ Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ khác	417.076.911	454.545.454
+ Doanh thu cho thuê xe và thiết bị	107.580.672	123.992.398
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM		
+ Doanh thu bán xe	-	115.351.818.182
+ Doanh thu dịch vụ sửa chữa, dịch vụ khác	711.134.281	850.116.095
+ Mua xe	20.754.545.454	69.972.727.273
+ Chi phí thuê mặt bằng	3.901.894.395	4.154.089.390

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	83.585.840	456.072.907
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	78.583.840	356.072.907
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	5.002.000	100.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	24.637.672.476	37.664.382.584
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	8.282.651.488	19.544.422.683
Các nhà cung cấp khác	16.355.020.988	18.219.959.901
Cộng	24.721.258.316	38.120.455.491

11b. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

2817
 NG T
 HIỆM HÍ
 N VÀ
 IN V
 HỒ

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	13.604.522.420	41.885.509.929	(55.490.032.349)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.197.003.776	41.116.429.122	(25.130.624.705)	-	26.182.808.193
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.204.624	2.589.647.247	(2.172.006.402)	-	438.845.469
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	214.733.742	-	86.994.152	(16.313.856)	144.053.446	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	214.733.742	23.822.730.820	85.683.580.450	(82.813.977.312)	144.053.446	26.621.653.662

13a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

13b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	204.619.167.020	157.466.548.278
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	216.959.473	674.062.069
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	216.959.473	674.062.069
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	204.836.126.493	158.140.610.347
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	204.836.126.493	158.140.610.347
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	40.967.225.299	31.628.122.069
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	149.203.823	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>41.116.429.122</u>	<u>31.628.122.069</u>

14. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương, các khoản thưởng trích theo lương phải trả cho cán bộ công nhân viên Công ty.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là khoản trích trước chi phí bảo hiểm vật chất xe các loại.

16. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan	-	-
Các đối tượng khác	3.433.083.328	5.082.088.389
Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty	662.047.153	789.786.977
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.771.036.175	4.292.301.412
Cộng	3.433.083.328	5.082.088.389

Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	195.695.238.658	195.695.238.658	490.975.875.591	490.975.875.591
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ⁽¹⁾	171.991.807.658	171.991.807.658	198.638.809.317	198.638.809.317
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽²⁾	23.703.431.000	23.703.431.000	192.044.020.893	192.044.020.893
+ Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	-	-	100.293.045.381	100.293.045.381
Cộng	195.695.238.658	195.695.238.658	490.975.875.591	490.975.875.591

Các khoản vay được thế chấp bởi giá trị hàng tồn kho và giá trị còn lại tài sản cố định vô hình với số tiền lần lượt tương ứng là 195.277.672.281 đồng (xem thuyết minh tại mục V.6) và 10.853.769.151 đồng (xem thuyết minh tại mục V.9).

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: dưới 12 tháng;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

⁽²⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn..

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời gian: dưới 12 tháng cho mỗi khoản vay;
- Lãi suất vay: Tùy từng giấy nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	490.975.875.591	4.225.213.951.340	4.520.494.588.273	195.695.238.658
Cộng	490.975.875.591	4.225.213.951.340	4.520.494.588.273	195.695.238.658

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**Tình hình góp vốn điều lệ như sau:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	109.486.840.000	22,11%	83.528.340.000	22,73%
- Bà Vũ Thị Hạnh	68.365.240.000	13,81%	64.530.960.000	17,56%
- Các cổ đông khác	317.317.740.000	64,08%	219.384.690.000	59,71%
Cộng	495.169.820.000	100,00%	367.443.990.000	100,00%

Chi tiết Vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2021.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	495.169.820.000	495.169.820.000	-
Cộng	495.169.820.000	495.169.820.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	367.443.990.000	367.443.990.000
+ Vốn góp tăng trong năm	127.725.830.000	-
+ Vốn góp cuối năm	495.169.820.000	367.443.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi (bằng tiền)	-	(54.526.819.500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho cổ đông bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	110.225.830.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích cho Ban Điều hành bằng cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá)	3.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	49.516.982	36.744.399
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.516.982	36.744.399
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	(134.270)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	(134.270)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.516.982	36.610.129
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.516.982	36.610.129
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

Ban Điều hành được thưởng cổ phiếu từ Lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21 ngày 25/06/2021, số 22 ngày 25/06/2021 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHCD ngày 27/03/2021 thông qua. Số lượng cổ phiếu phát hành thưởng Ban Điều hành (không thu tiền) trong năm là 350.000 cổ phiếu.

Người lao động được mua cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21 ngày 25/06/2021, số 22 ngày 25/06/2021 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHCD ngày 27/03/2021 thông qua. Số lượng cổ phiếu phát hành (thu tiền) cho người lao động trong năm là 1.400.000 cổ phiếu.

18e. Cổ tức

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty ngày 27 tháng 03 năm 2021. Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Kết quả kinh doanh của năm 2020 với tổng giá trị theo mệnh giá (10.000 đồng/cp) là 110.225.830.000 đồng (tương đương 11.022.583 cổ phiếu).

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã chia trong năm		
+ <i>Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (số lượng)</i>	11.022.583	-
<i>(Tương đương giá trị theo mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu)</i>	110.225.830.000	-
+ <i>Cổ tức bằng tiền đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	54.915.193.500
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</i>	-	-

031
 CÔNG
 CH NI
 I TOÁ
 HU
 TP

18f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	191.406.826.604	120.483.593.895
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163.651.941.721	125.838.426.209
Phân phối trong năm:		
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(110.225.830.000)	-
- Thưởng Ban Điều hành bằng cổ phiếu	(3.500.000.000)	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	(54.915.193.500)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	241.332.938.325	191.406.826.604

Lợi nhuận phân phối trong năm Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 03 năm 2021.



817.
GT
M HƯ
VÀ T
NV
HỒ

VI. KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xe	4.923.527.679.355	5.167.892.730.383
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	310.079.703.742	366.690.781.933
Doanh thu hoạt động khác	4.617.450.080	4.060.692.962
Cộng	5.238.224.833.177	5.538.644.205.278

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con trình bày ở thuyết minh số V.10.

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh xe	4.632.468.459.152	4.906.209.998.435
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	262.042.058.524	313.106.458.305
Giá vốn hoạt động khác	2.595.650.346	1.988.611.863
Cộng	4.897.106.168.022	5.221.305.068.603

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	403.450.548	495.121.068
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.276.432.462
Cộng	403.450.548	2.771.553.530

4. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	17.567.151.863	40.432.501.647
- Trích/hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.639.955.268	(1.757.883.953)
- Chi phí tài chính khác	9.812.074	75.906.360
Cộng	19.216.919.205	38.750.524.054

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	41.030.409.916	41.089.968.207
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.315.699.916	19.050.242.388
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài	20.963.248.601	22.402.346.551
- Các chi phí khác	27.360.284.502	27.713.318.480
Cộng	107.669.642.935	110.255.875.626

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	22.543.728.182	26.620.502.298
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.303.561.451	3.022.544.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.147.654.521	4.245.860.228
- Các chi phí khác	6.038.787.996	7.823.588.916
Cộng	35.033.732.150	41.712.495.584

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	17.759.402.520	13.823.553.750
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	299.348.181.819	329.992.054.548
+ Giá trị còn lại và chi phí thanh lý tài sản cố định	(281.588.779.299)	(316.168.500.798)
- Thu nhập từ tiền hỗ trợ của Mercedes-Benz Việt Nam	6.423.331.076	7.225.207.405
- Thu nhập khác	1.046.108.091	7.248.888.092
Cộng	25.228.841.687	28.297.649.247

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.



9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.348.569.850	168.005.843.829
- Chi phí nhân công	96.402.197.854	100.067.514.335
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.858.849.561	26.580.148.718
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.346.948.080	41.270.005.751
- Chi phí khác	41.824.970.021	44.846.972.362
Cộng	<u>338.781.535.366</u>	<u>380.770.484.995</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch cho hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, loại trừ các khoản phải thu, phải trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức trả bằng tiền	-	(54.526.819.500)
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	(110.225.830.000)	-
Thưởng Ban Điều hành bằng cổ phiếu	(3.500.000.000)	-
Cộng	<u>(113.725.830.000)</u>	<u>(54.526.819.500)</u>

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	4.225.213.951.340	4.925.920.743.411
Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	-	-
Cộng	<u>4.225.213.951.340</u>	<u>4.925.920.743.411</u>

3. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	(4.520.494.588.273)	(5.366.459.027.889)
Tiền trả nợ vay của các cá nhân	-	-
Cộng	<u>(4.520.494.588.273)</u>	<u>(5.366.459.027.889)</u>

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (riêng) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính (riêng) cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*). Chi tiết như sau:

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 02/04/2021	450.000.000	1.350.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 02/04/2021	1.125.000.000	945.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	882.000.000	910.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm từ 01/06/2021	434.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	630.000.000	494.000.000
Cộng		3.521.000.000	3.699.000.000
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm từ 02/04/2021	315.000.000	225.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 02/04/2021	225.000.000	315.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Cộng		1.080.000.000	1.080.000.000

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc. Đây là thu nhập tại Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty mẹ.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.2, V.4a, V.5, V.11, V.14.

4. Báo cáo theo bộ phận

4a. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

<u>Năm nay</u>	<u>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</u>	<u>Giá vốn hàng bán</u>	<u>Lãi gộp</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	4.923.527.679.355	4.632.468.459.152	291.059.220.203
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	310.079.703.742	262.042.058.524	48.037.645.218
- Doanh thu hoạt động khác	4.617.450.080	2.595.650.346	2.021.799.734
Cộng	5.238.224.833.177	4.897.106.168.022	341.118.665.155
<u>Năm trước</u>			
- Doanh thu kinh doanh xe	5.167.892.730.383	4.906.209.998.435	261.682.731.948
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	366.690.781.933	313.106.458.305	53.584.323.628
- Doanh thu hoạt động khác	4.060.692.962	1.988.611.863	2.072.081.099
Cộng	5.538.644.205.278	5.221.305.068.603	317.339.136.675

4b. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.6; V.8 và V.9). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 206.131.441.432 VND (số đầu năm là 469.041.409.176 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị




ĐỖ TIÊN DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC SỐ 01: CHI TIẾT TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị truyền dẫn	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	59.605.318.674	28.307.476.373	132.239.466.248	4.387.852.495	2.111.201.464	226.651.315.254
2. Tăng trong năm	-	253.050.000	370.782.485.732	296.700.000	76.913.100	371.409.148.832
- Tăng do Mua sắm	-	253.050.000	370.782.485.732	296.700.000	76.913.100	371.409.148.832
3. Giảm trong năm	-	-	(295.929.370.944)	-	-	(295.929.370.944)
- Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	-	(295.929.370.944)	-	-	(295.929.370.944)
4. Số dư cuối năm	59.605.318.674	28.560.526.373	207.092.581.036	4.684.552.495	2.188.114.564	302.131.093.142
Trong đó: Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là	35.087.491.795	18.480.710.817	839.535.327	2.866.334.107	1.971.565.464	59.245.637.510
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	40.967.350.347	21.775.984.810	6.943.639.406	3.799.279.424	1.979.323.763	75.465.577.750
2. Tăng trong năm	3.745.091.496	2.390.275.572	18.294.577.214	379.548.055	56.212.747	24.865.705.084
- Khấu hao trong năm	3.745.091.496	2.390.275.572	18.294.577.214	379.548.055	56.212.747	24.865.705.084
3. Giảm trong năm	-	-	(14.340.591.645)	-	-	(14.340.591.645)
- Giảm do thanh lý	-	-	(14.340.591.645)	-	-	(14.340.591.645)
6. Số dư cuối năm	44.712.441.843	24.166.260.382	10.897.624.975	4.178.827.479	2.035.536.510	85.990.691.189
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	18.637.968.327	6.531.491.563	125.295.826.842	588.573.071	131.877.701	151.185.737.504
2. Tại ngày cuối năm	14.892.876.831	4.394.265.991	196.194.956.061	505.725.016	152.578.054	216.140.401.953

Trong đó: giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp tính cho các khoản vay ngân hàng (tại mục thuyết minh V.17) là 0 đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.

CHỦ tịch Hội đồng Quản trị



TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	120.483.593.895	485.662.916.131
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	125.838.426.209	125.838.426.209
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	125.838.426.209	125.838.426.209
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(54.915.193.500)	(54.915.193.500)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(54.915.193.500)	(54.915.193.500)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	367.443.990.000	(30.000.000)	(2.234.667.764)	191.406.826.604	556.586.148.840
5. Tăng trong năm	127.725.830.000	554.927.236	2.234.667.764	163.651.941.721	294.167.366.721
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	163.651.941.721	163.651.941.721
- Bổ sung từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	110.225.830.000	-	-	-	110.225.830.000
- Bổ sung từ thưởng Ban Điều hành bằng cổ phiếu	3.500.000.000	-	-	-	3.500.000.000
- Bổ sung từ thu tiền phát hành cổ phiếu cho người lao động	14.000.000.000	-	-	-	14.000.000.000
- Tài phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
6. Giảm trong năm	-	554.927.236	2.234.667.764	-	2.789.595.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(113.725.830.000)	(113.725.830.000)
- Thưởng Ban Điều hành bằng cổ phiếu (*)	-	-	-	(110.225.830.000)	(110.225.830.000)
7. Số dư cuối năm	495.169.820.000	524.927.236	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
				241.332.938.325	737.027.685.561

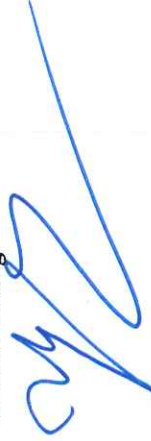
(*) Được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21 và 22 ngày 25/06/2021 đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/ĐHCD ngày 27/03/2021 thông qua.

Người lập biểu



TRẦN KHÔI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022.



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính r(riêng)

